

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HS-ST

Ngày 05 - 4 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLHS-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

Dương Thế Q, sinh năm 1992 tại Hà Nam; nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T; vợ: Vũ Thị Hương Th; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 16/11/2023, đến ngày 25/11/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Trần Hữu T, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Tổ dân phố N, phường C, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Vũ Thị Hương Th, sinh năm 1992; trú tại: Tiểu khu 1, thị trấn K, huyện T, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau từ trước nên Dương Thế Q đã cho anh Trần Hữu T vay 03 lần tiền với tổng số tiền là 350.000.000 đồng, cụ thể như sau: Lần 1: Ngày 11/12/2021 Q cho anh T vay số tiền 150.000.000 đồng; lần 2: Ngày 13/3/2022 Q cho anh T vay số tiền 150.000.000 đồng; lần 3: Ngày 01/6/2022 Q cho anh T vay số tiền là 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất vay là 3.000

đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tương ứng mức lãi suất 109,5%/năm, vượt gấp 5,475 lần mức cao nhất cho phép theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/01 năm của khoản tiền vay); trả lãi theo tháng và tính một tháng là 30 ngày (tháng nhiều hơn hoặc ít hơn 30 ngày thì đều tính là 30 ngày/tháng); thanh toán tiền lãi vào tháng tiếp theo tính từ ngày vay, không cắt lãi trước, hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt, chỉ thỏa thuận bằng miệng mà không viết giấy vay tiền, không thế chấp tài sản gì. Khi anh T có nhu cầu vay tiếp, Q và anh T không cộng dồn số tiền lần vay sau với lần vay trước mà tính riêng từng khoản của mỗi lần vay. Quá trình cho vay và thanh toán tiền lãi, Q sử dụng tài khoản số 19032183730010 mở tại Ngân hàng Techcombank mang tên Dương Thế Q và tài khoản số T19121992 mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh Hà Nam mang tên Vũ Thị Hương Th (là số tài khoản của vợ Q) để giao dịch với anh T qua tài khoản số 108868983833 mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam (VietinBank), tài khoản số 1015134121 mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và tài khoản số 0933524888 mở tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam đều mang tên Trần Hữu T.

Cụ thể số tiền vay và trả lãi hàng tháng như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Từ ngày 11/12/2021 đến ngày 13/3/2022, Q cho anh T vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương số tiền lãi 01 tháng là 13.500.000 đồng, thanh toán tiền lãi vào ngày 11 hàng tháng, khoản vay này anh T đã trả Q 03 lần tiền lãi (tương đương với 3 tháng) với tổng số tiền là 40.500.000 đồng, trong đó tiền lãi mà Q được thu theo quy định là 7.397.260 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 33.102.740 đồng, cụ thể:

- + Ngày 14/01/2022, anh T chuyển khoản trả tiền lãi 13.500.000 đồng.

- + Tháng 02/2022 anh T xin khất trả lãi số tiền 13.500.000 đồng (số tiền lãi này sau đó anh T đã thanh toán cho Q khi vay khoản vay ngày 13/3/2022).

- + Sáng ngày 13/3/2022, anh T chuyển khoản cho Q số tiền 163.500.000 đồng, trong đó có 150.000.000 đồng tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi, vẫn nợ lại số tiền lãi 13.500.000 đồng của tháng 02/2022.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 13/3/2022, anh T vay Q số tiền 150.000.000 đồng, sau khi trừ tiền lãi tháng 02/2022 mà anh T còn nợ của khoản vay trước, Q chuyển cho anh T 136.500.000 đồng; thỏa thuận lãi suất vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng /1 ngày, tương đương số tiền lãi 01 tháng là 13.500.000 đồng, thanh toán tiền lãi vào ngày 13 hàng tháng, khoản vay này anh T đã trả tiền lãi cho Q 16 lần (tương đương với 16 tháng) với tổng số tiền là 214.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi Q được thu theo quy định là 39.452.055 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 175.047.945 đồng, cụ thể:

- + Tháng 4/2022, anh T khất nợ Q tiền lãi 13.500.000 đồng;

- + Ngày 14/5/2022, ngày 19/6/2022, ngày 26/7/2022, ngày 17/8/2022, ngày 12/9/2022 (trả tiền lãi tháng 4/2022 còn nợ), ngày 28/9/2022, ngày 27/10/2022 anh T đều chuyển tiền lãi cho Q số tiền 13.500.000 đồng.

- + Tháng 11/2022, anh T khất nợ tiền lãi tháng này.

+ Ngày 05/12/2022, trả tiền lãi còn nợ tháng 11/2022 số tiền 13.500.000 đồng, nợ tiền lãi tháng 12/2022.

+ Ngày 04/01/2023 trả tiền lãi còn nợ tháng 12/2022, ngày 21/01/2023 trả tiền lãi tháng 01/2023 đều với số tiền 13.500.000 đồng.

+ Tháng 02/2023, anh T khất nợ tiền lãi tháng này.

+ Ngày 15/3/2023, anh T chuyển khoản cho Q số tiền 18.000.000 đồng, trong đó có 13.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay 150 triệu và 4.500.000 đồng tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng.

+ Ngày 07/4/2023, ngày 21/5/2023, ngày 22/6/2023 anh T đều trả lãi với số tiền 13.500.000 đồng.

+ Tháng 7/2023, anh T khất trả tiền lãi tháng này.

+ Ngày 21/8/2023, anh T trả lãi với số tiền 13.500.000 đồng.

+ Ngày 10/9/2023, anh T trả lãi với số tiền 12.000.000 đồng, nợ lại 1.500.000 đồng.

- Khoản vay thứ 3: Từ ngày 01/6/2022, anh T vay Q số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tương đương số tiền lãi 01 tháng là 4.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi Q đã thu của anh T là 67.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi Q được thu quy định là 12.328.767 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 55.171.233 đồng, cụ thể:

+ Ngày 14/7/2022, ngày 07/8/2022, ngày 06/9/2022, ngày 11/10/2022, ngày 22/11/2022, ngày 27/12/2022, anh T đều chuyển khoản cho Q số tiền lãi 4.500.000 đồng.

+ Tháng 01/2023 anh T khất trả tiền lãi của tháng này.

+ Ngày 22/2/2023, anh T chuyển cho Q số tiền lãi 4.500.000 đồng.

+ Ngày 15/3/2023, anh T trả tiền lãi 4.500.000 đồng cùng với số tiền lãi của khoản vay 150.000.000 đồng (anh T chuyển 18.000.000 đồng của 02 khoản vay).

+ Tháng 4, tháng 5 anh T khất nợ tiền lãi.

+ Ngày 05/6/2023, anh T chuyển khoản cho Q số tiền lãi của tháng 6 và của tháng 01/2023 còn nợ, tổng là 9.000.000 đồng.

+ Ngày 14/7/2023, anh T chuyển khoản cho Q số tiền lãi của tháng 7 và của tháng 4/2023 còn nợ, tổng là 9.000.000 đồng.

+ Ngày 05/8/2023, anh T chuyển khoản cho Q số tiền lãi của tháng 8 và tháng 5/2023 còn nợ, tổng là 9.000.000 đồng.

+ Ngày 17/9/2023, anh T chuyển khoản cho Q số tiền lãi là 4.500.000 đồng.

Đến cuối tháng 9/2023, anh T xin thôi không trả lãi từ tháng 10/2023, xin số tiền lãi còn nợ và xin trả dần tiền gốc cho Q thì được Q đồng ý xóa nợ và không tính lãi cho khoản vay 150.000.000 đồng và khoản vay 50.000.000 đồng còn lại.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 9/2023, Dương Thế Q đã cho anh Trần Hữu T vay 03 lần tiền, tổng số tiền là 350.000.000 đồng, thời hạn vay không quy định, tiền lãi thanh toán vào tháng tiếp theo tính từ thời điểm vay, các khoản cho vay đều thỏa thuận mức lãi suất vay là 3.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Q đã thu lãi của anh T tổng số tiền là 322.500.000 đồng, đều bằng hình thức chuyển khoản; trong đó, số tiền lãi Q được

thu theo quy định là 59.178.082 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 263.321.918 đồng. Anh T đã trả cho Q 150.000.000 đồng tiền gốc, hiện anh T còn nợ Q 200.000.000 đồng tiền gốc chưa trả.

Đồ vật, tài sản tạm giữ gồm: Tạm giữ của Dương Thế Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám, lắp sim có số thuê bao 0967.688.567.

Ngày 17/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Thế Q tại tiểu khu 1, thị trấn K, huyện T, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-PL ngày 05/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố Dương Thế Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý giữ nguyên quan điểm truy tố Dương Thế Q như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX):

+ Tuyên bố bị cáo Dương Thế Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Thế Q từ 250 triệu đồng đến 300 triệu đồng sung Ngân sách Nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Buộc bị cáo Dương Thế Q phải trả cho anh Trần Hữu T số tiền thu lợi bất chính là 263.321.918 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Dương Thế Q tổng số tiền là 209.178.082 đồng.

Buộc anh Trần Hữu T phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám lắp sim có số thuê bao 0967.688.567.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì; đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản kiểm tra điện thoại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ của vụ án. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ ngày 11/12/2021 đến tháng 09/2023, tại thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Dương Thế Q đã cho anh Trần Hữu T vay tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 11/12/2021 cho vay số tiền 150.000.000 đồng; ngày 13/3/2022 cho vay số tiền 150.000.000 đồng và ngày 01/6/2023 cho vay số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 350.000.000 đồng. Số tiền trên Q đều tính lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng lãi suất 109,5 %/01 năm, vượt gấp 5,475 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/01 năm của khoản tiền vay). Tổng số tiền lãi Q đã thu của anh T là 322.500.000 đồng, trong đó, số tiền lãi Q được thu theo quy định là 59.178.082 đồng, số tiền Q thu lợi bất chính là 263.321.918 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã nộp đã nộp 10.000.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý để khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo 03 lần cho anh T vay tiền, số tiền thu lợi bất chính cả 03 lần đều trên 30 triệu đồng và chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi cho vay lãi suất cao là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện vì lợi nhuận bất chính thu được là rất

cao (mức lãi suất gấp hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự). Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại về vật chất đối với người đi vay do phải trả một khoản lãi quá cao so với quy định, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Xét bị cáo dùng tiền của mình để cho vay, không có việc huy động tiền vốn từ người khác, nguồn sống chính của bị cáo không phụ thuộc vào việc cho vay lãi nặng nên bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, việc xét xử nghiêm minh hành vi phạm tội này của bị cáo là cần thiết, với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp một phần tiền vào Ngân sách Nhà nước để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính mà cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền đối với bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cộng đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Do HĐXX áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Mặc dù quá trình điều tra anh Trần Hữu T không đề nghị giải quyết về phần dân sự, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 21/3/2024 thì anh T có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều xác định bị cáo đã thu lợi bất chính của anh T số tiền là 263.321.918 đồng, do đó cần buộc bị cáo phải thanh toán trả cho anh T số tiền trên.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng là tiền gốc mà bị cáo Dương Thế Q đã sử dụng để cho anh Trần Hữu T vay nhằm thu lợi bất chính, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo; đối với số tiền 59.178.082 đồng là tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật mà bị cáo được phép thu của anh T nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền gốc 200.000.000 đồng mà anh Trần Hữu T đã vay của bị cáo Q nhưng chưa trả, đây là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng số tiền này vào việc phạm tội nên cần buộc anh Trần Hữu T nộp số tiền này vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám, lắp sim có số thuê bao 0967.688.567 là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng mà anh T sử dụng để giao dịch vay, trả tiền lãi và tiền gốc với bị cáo Q, quá trình điều tra anh T xác định đã bị mất chiếc điện thoại nêu trên nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 201, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 35, các Điều 47, 48, 50 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố bị cáo Dương Thế Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2/ Xử phạt bị cáo Dương Thế Q số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Dương Thế Q phải trả cho anh Trần Hữu T số tiền thu lợi bất chính là 263.321.918đ, làm tròn thành 263.322.000đ (hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà bị cáo Q đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý theo biên lai thu tiền số 0000370 ngày 19/3/2024, bị cáo Q còn phải thanh toán trả cho anh T số tiền 253.322.000đ (hai trăm năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Dương Thế Q tổng số tiền là 209.178.082đ, làm tròn thành 209.178.000đ (hai trăm linh chín triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Buộc anh Trần Hữu T phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

3/ Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xám, có lắp sim số thuê bao 0967.688.567.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 06/02/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Phủ Lý với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý).

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Dương Thế Q phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQĐVA;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân